

Ngày 30/09/2025	3,090 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-2.2%	12.8%	-0.6%

	Q3/25	
ROE	10.9%	+/- YoY ▲ 1.7%

	Q3/25		
DT thuần	312	QoQ ▲ 75.0	YoY ▲ 76.0
		▲ 31.7%	▲ 32.3%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	728	YoY ▼ 207
		▼ 22.2%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	49.7	QoQ ▲ 17.1	YoY ▲ 21.6
		▲ 52.3%	▲ 76.7%
	tỷ VNĐ		

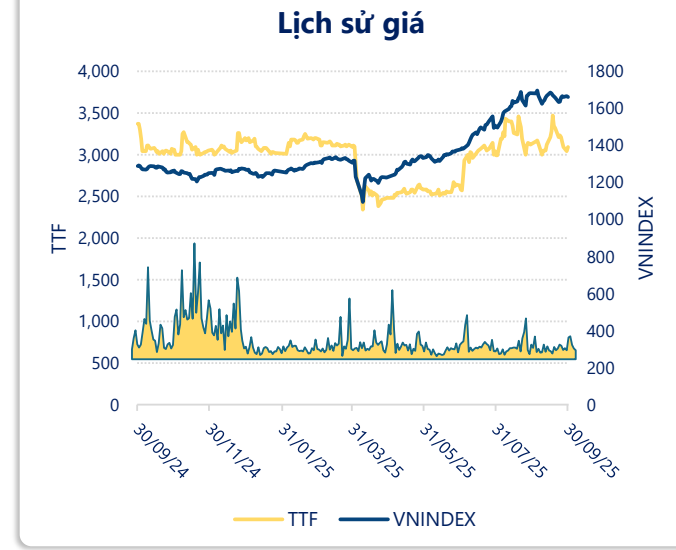
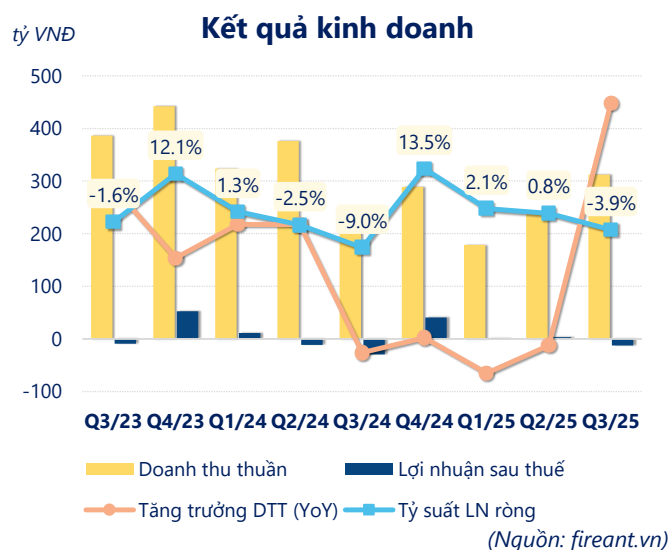
	9T 2025	
LN gộp	95.6	YoY ▼ 38.4
		▼ 28.8%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	-14.9	QoQ ▼ 41.9	YoY ▲ 18.0
		▼ 155%	▲ 54.8%
	tỷ VNĐ		

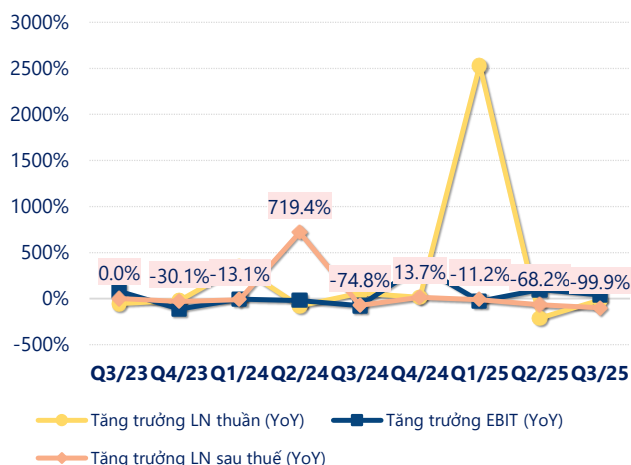
	9T 2025	
LN thuần	-40.2	YoY ▼ 8.60
		▼ 27.3%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	-12.3	QoQ ▼ 15.5	YoY ▲ 17.1
		▼ 484%	▲ 58.2%
	tỷ VNĐ		

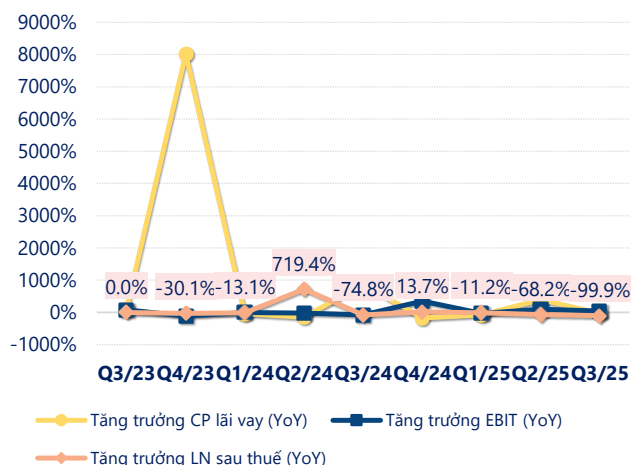
	9T 2025	
LN sau thuế	-7.49	YoY ▲ 21.8
		▲ 74.4%
	tỷ VNĐ	



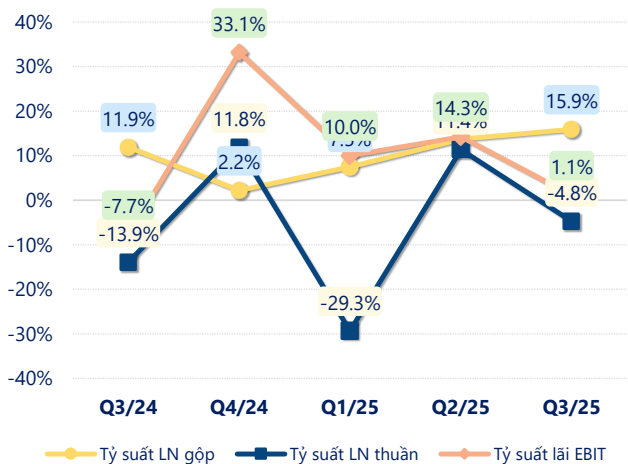
Tăng trưởng lợi nhuận



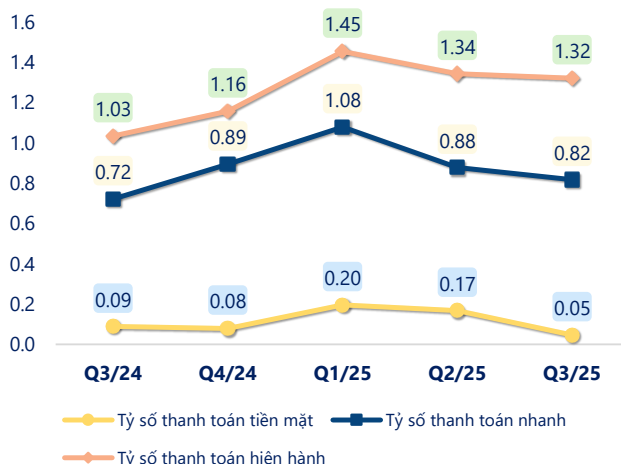
Tăng trưởng chi phí



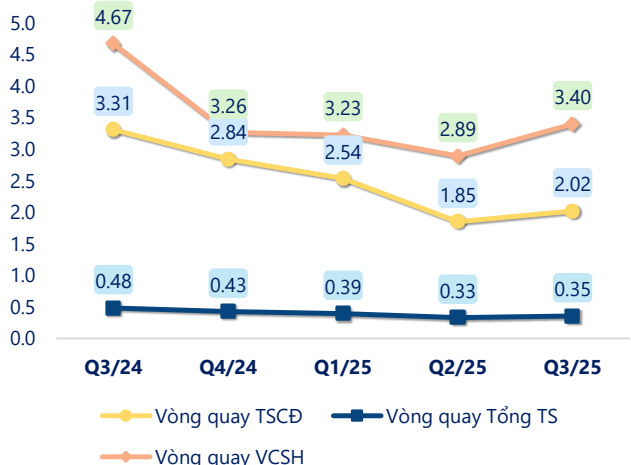
Tỷ suất lợi nhuận



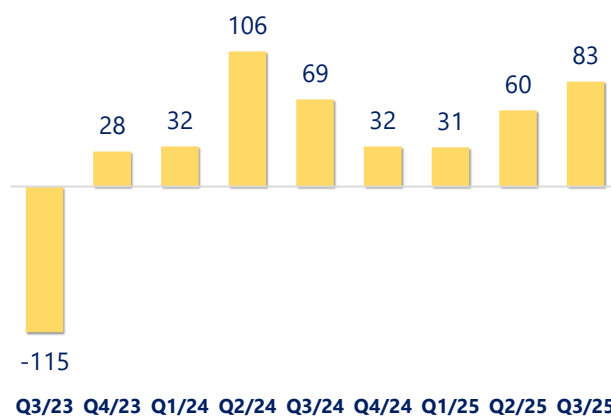
Chỉ số thanh khoản



Vòng quay tài sản



EPS



KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	312	236	32.3%	728	935	-22.2%
Giá vốn hàng bán	262	208	26.2%	633	801	-21.0%
Lợi nhuận gộp	49.7	28.1	76.7%	95.6	134	-28.8%
Doanh thu HĐTC	4.40	0.86	412%	82.4	16.7	393%
Chi phí TC	15.1	15.1	-0.1%	52.2	11.7	345%
Chi phí lãi vay	15.9	11.3	41.0%	50.1	15.8	217%
LN trong công ty LKLD	1.59	2.26	-29.9%	5.65	2.29	147%
Chi phí bán hàng	28.4	24.1	18.0%	88.3	89.5	-1.3%
Chi phí QLDN	27.0	24.9	8.4%	83.4	83.5	-0.2%
LN thuần từ HĐKD	-14.9	-32.9	54.8%	-40.2	-31.6	-27.3%
Lợi nhuận khác	2.41	3.32	-27.3%	45.4	2.68	1594%
LN trước thuế	-12.4	-29.6	57.9%	5.16	-28.9	118%
Lợi nhuận sau thuế	-12.3	-29.4	58.2%	-7.49	-29.3	74.4%
LNST của CĐ cty mẹ	-12.2	-21.2	42.4%	-6.58	-26.6	75.3%

(Nguồn: fireant.vn)

